TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/02/2023
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Nguyên Hoàng**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Viết Xứng**

Ông **Vũ Trung Thành**

-*Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Ông **Trương Văn Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước: ông* **Nguyễn Công Thao -** Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2022/TLST – HN&GĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HN ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn*: **Bà Lường Thị M, sinh năm 1968

Trú tại: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Có đơn xin vắng mặt

Bị Đơn*: **Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1962

Trú tại: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn là bà Lường Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lường Thị M và ông Nguyễn Đình T kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 1985, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống, giữa bà Lường Thị M và ông Nguyễn Đình T sống không có hạnh phúc

mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do Ông T thường xuyên đánh đập bà M. Hiện tại, tình cảm mà bà Lường Thị M dành cho ông T đã thực sự hết, nếu cứ kéo dài cuộc hôn nhân giữa hai người cũng không có ý nghĩa gì nên bà Lường Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Lường Thị M và ông Nguyễn Đình T có 03 con chung là Nguyễn Thanh N, sinh năm 1987; Nguyễn Thanh K, sinh năm 1989 và Nguyễn Thị Ba, sinh năm 1992. Do các con đã lớn nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Tại bản tự khai không đề ngày tháng năm, bị đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:

Về hôn nhân: bà Lường Thị M và ông Nguyễn Đình T kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 1985, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước, tuy nhiên không biết lý do gì mà khi tra cứu lại không có tên. Quá trình chung sống thì giữa hai vợ chồng sống hạnh phúc cho đến ngày 10/4/2022 do có uống ít rượu nên ông T có to tiếng và cầm cây dao không may đụng vào gò má của bà M. Hiện tại tình cảm của ông T dành cho bà M vẫn còn nên không đồng ý ly hôn mà chỉ yêu cầu đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Lường Thị M và ông Nguyễn Đình T có 03 con chung là Nguyễn Thanh N, sinh năm 1987, Nguyễn Thanh K, sinh năm 1989, và Nguyễn Thị Ba, sinh năm 1992. Do các con đã lớn nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

- Ông Nguyễn Đình T vắng mặt suốt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn. Phân tích các tình tiết của vụ án, tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa, đối chiếu với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lường Thị M.

1.Về hôn nhân: Đề nghị tuyên xử cho bà Lường Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Đình T

2.Về con chung: tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Về quan hệ pháp luật: Bà Lường Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đình T, không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì "Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 1 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000". Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: do bị đơn là ông Nguyễn Đình T có nơi cư trú tại: thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn là Lường Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Nguyễn Đình T có đơn xin xét xử vắng mặt, áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Yêu cầu của đương sự:

[1]Về hôn nhân: Bà Lường Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đình T kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 1985, tại văn bản trả 464/UBND-TP ngày 12/12/2022 của UBND xã R thì qua kiểm tra toàn bộ hồ sơ lưu trữ hộ tích trước năm 1995 không còn lưu, sau năm 1995 tới nay không tìm thấy tên bà Lường Thị M và ông Nguyễn Đình T có đăng ký kết hôn tại UBND xã R. Tuy nhiên Tại khoản 2 điều 44 Nghị định 123/2015/NĐ-CP quy định *"Đối với trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích và tạo điều kiện để đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân được công nhận kể từ ngày các bên xác lập quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng. Thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Luật Hộ tịch*". Bà Lường Thị M và ông Nguyễn Đình T đều thừa nhận việc chung sống từ năm 1985, giấy khai sinh của Nguyễn Thanh Nam, sinh ngày 26/5/1987 xác định cha mẹ của ông N là bà Lường Thị M và ông Nguyễn Đình T. Như vậy Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong thời gian chung sống thì giữa bà Lường Thị M và ông Nguyễn Đình T sống không có hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do ông T thường hay đánh đập bà M. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa bà Lường Thị M và ông Nguyễn Đình T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Lường Thị M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đình T là có căn cứ và được chấp nhận.

[2] Về con chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không xem xét,

giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Các bên phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: tuyên xử cho bà Lường Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

2. Về con chung : Không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lường Thị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lường Thị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019110 ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND huyện Đồng Phú;
-THA huyện Đồng Phú;
-UBND xã Thuận Lợi;
-Các đương sự
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Nguyên Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Xứng – Vũ Trung Thành **Võ Quang Dũng**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Phú, ngày 13 tháng 02 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ – TỈNH BÌNH PHƯỚC

Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 02 năm 2023
Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: **Ông Võ Quang Dũng**

Các hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Viết Xứng**

Ông Vũ Trung Thành

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 177/2022/TLST–HN&GĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HN ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn*: **Bà Lường Thị M, sinh năm 1976

Bị Đơn*: **Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1970

Cùng trú tại: ấp Chợ, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1.Về điều luật áp dung:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Kết quả biểu quyết 3/3

2. Phần quyết định:

2.1.Về hôn nhân: Bà Lường Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

2.2.Về con chung và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

2.3.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lường Thị M phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lường Thị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018952 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

2.4.Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kề từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết 3/3

Biên bản làm xong vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 13 tháng 02 năm 2023, đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Xứng – Vũ Trung Thành **Võ Quang Dũng**